

Saigon ngày 17 tháng 7 năm 1990

Kính gửi: Bà Khúc Minh Bạch
Đội gia đình tự thân Chính trị Việt Nam

Thưa Bà,
Tôi tên: BUI THI QUAN sinh ngày 5-9-1960
tại An Hội Bến Tre

Biên củ ngụ tại: 2851 11 Tân Bình Tầm F & Q5
TP Hồ Chí Minh

Chứng minh nhân dân số 020304340 cấp ngày
8-3-1979 tại Q5 TP Hồ Chí Minh

Cây tôi viết thư này đến Bà xin can thiệp
cho tôi được sang Hoa Kỳ diện HO

Cây tôi là thiếu tá BUI DUONG PHAT
số quân 46/103.125 Chức vụ Sĩ Quan Kỹ Thuật Trung Tâm
Thăm vấn Bệnh Hợp Tự Binh đã chết tại cái tạo
Suối Chầu (Biển Hòa) ngày 16-2-1976 Sau đó mẹ tôi
là cây tôi cũng chết ngày 22-12-1976
Hiện nay tôi sống độc thân một mình ở các anh chị
khác đã có gia đình.

Sự tích của: tên BUI DUONG PHAT

Sinh ngày 1-3-1926 tại Trà Vinh

Số Quân 46/103.125 KBC H593/3

Sinh ra cuối cùng: Trung Tâm Thăm vấn Bệnh
Hợp Tự Binh (Thuộc Bộ Tổng Tham Mưu P2)

Xin thêm: Tôi có người anh ruột tên BUI DUONG MINH

Số quân 33/152, H39 Chức vụ Trung Đoàn 53 Sư Đoàn 23

Bộ Binh đã mất tích tại chiến trường Quảng Đức ngày 4-12-1973

Bà đẻ ông tôi xin xuất cảnh ở Việt Nam biên
nhân số 1432 1BN ngày 16/7/1990

Đính kèm:

- 1 bản sao thời sinh của
- 1 bản sao giấy xác nhận của chết hàng tại cái tạo
- 1 ảnh của
- 1 hôn thú của mẹ
- 1 bản sao khai tử mẹ

Tân Tầm Kinh Chảo Bà
Cây tôi tâm đức

Kính gửi: Bà

- 1 bản sao tờ khai gia đình trước 1975
- 1 khai sinh ngày đứng đơn xin
- 1 bản sao chứng minh nhân dân
- 1 ảnh người viết thư
- 1 bản sao hồ sơ sau 1975
- 1 bản sao công diễn báo tin ảnh chụp mặt tích
- 1 bản sao chứng chỉ tại origin của cha
- 1 bản sao biên nhận đã cấp hồ sơ xin xuất cảnh

CÔNG AN QUẬN 5

Số 1432 /BN

*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BIÊN NHẬN

Ông Bà: Bà-Tên" Quan

Địa chỉ: 285 /11 Trần Bình Trọng Quận 5

Có nộp hồ sơ xin xuất ngoại kèm theo: _____

my
HD

Hồ sơ của Ông, Bà chúng tôi đã chuyển đến Phòng
QLNN/CATP ngày — tháng — năm 198 — Số —

Ngày 16 tháng 7 năm 1987

Đ. TRƯỞNG CÔNG AN Q. 5

[Signature]

TƯ LỆNH QUÂN KHU 7
PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

- oOo -

Số: 107/XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

/)/gày 10 tháng 07 năm 1990

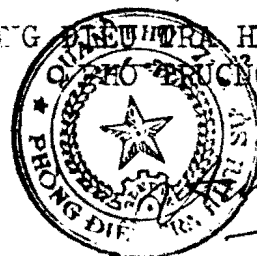
/// 7 IẤY XÁC NHẬN

Anh : BUI DƯƠNG PHÁT . Sinh năm : 1926 .
Đi lính : 1946 Số quân : 46/103.125
Cấp bậc : Thiếu tá . Chức vụ: Sĩ quan kỹ thuật trung tâm thám
vấn hỗn hợp tù binh .

Sinh quán: Trà Vinh .

Hiện nay ở (trước đây) 285/11 Trần Bình Trọng phường 4 Quận 5 TP/HCM.
Là sĩ quan chế độ cũ có ra trình diện học tập cải tạo tập trung
Ngày 10/5/1975 ở Trại Suối Máu Biên Hoà cho đến ngày 16/2/1976
cải tạo viên Bùi Dương Phát bị bệnh cảm đột ngột chết tại Trại .
Đơn vị đã mai táng chôn cất theo chính sách qui định của nhà nước .
Vây thông báo cho vợ là Nguyễn thị Nghi và con là Bùi Thị Bình cư
ngụ quê quán trên và chính quyền địa phương biết .

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7



Trưng Túc Nguyễn Thị Bình

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ Vĩnh-Bình

Tại

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Nơu-son (Travinh)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1926
(Année)

SỐ HIỆU (I) III16
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Bùi-duyên-phát
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Le 1 ^{er} Mars 1926
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Nơu-son
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	(2) Bùi-thành-Phụng
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Cải-tập
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Nơu-son
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Kiểm
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Nơu-son
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang ce femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Phạm-văn-Huê
(Nous)

Chánh-án Toà Vĩnh-Bình
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Phạm-vũ-Thượng
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

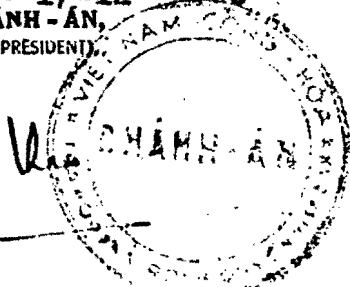
Vĩnh-Bình, ngày 17-12-1966

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

Phê nhận: Đỗ bội bồ (I) (2) hai chữ

Vĩnh-Bình, ngày 17-12-1966

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)



Giá tiền: 5đ
(Coi)

Biên-lai số:
(Quittance N°)

IIII16/4

MARIAGE DU Premier DEGRÉ

Hôn thú bậc Khất

Số hiệu 07
(1)

Nom et prénoms de l'époux <i>Tên, họ người chồng</i>	Bùi-diệung-Phát
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	Secrétaire
Lieu de sa naissance <i>Sanh tại chỗ nào</i>	Ngũu-sơn (Trà-vinh)
Date de sa naissance <i>Sanh ngày nào</i>	Le 1er Mars 1926
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Long-diêu (Trà-vinh ville)
Nom et prénoms du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé) <i>Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)</i>	Bùi-thành-Phung
Son âge <i>Mấy tuổi</i>	Quarante six ans
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	Instituteur
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Long-diêu (Trà-vinh ville)
Nom et prénoms de sa mère (indiquer s'elle est vivante ou décédée) <i>Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)</i>	Nguyễn-thị-Kiên
Son âge <i>Mấy tuổi</i>	Quarante trois ans
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	Ménagère
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Long-diêu (Trà-vinh ville)
Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'époux <i>Tên, họ chủ hôn bên trai</i>	Bùi-thành-Phung
Son âge <i>Mấy tuổi</i>	Quarante six ans
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	Instituteur
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Long-diêu (Trà-vinh ville)
Nom et prénoms de l'épouse <i>Tên, họ người vợ</i>	Nguyễn-thị-Nghi
Son rang de femme mariée <i>Vợ chánh hay là vợ thứ</i>	Premier rang
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	Instituteur
Lieu de sa naissance <i>Sanh tại chỗ nào</i>	An-bình-dương (Hưng-hoa)
Date de sa naissance <i>Sanh ngày nào</i>	Le 20 Février 1925
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Anhôi Bachun Bantre
Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé) <i>Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)</i>	Nguyễn-văn-Tân
Son âge <i>Mấy tuổi</i>	Cinquante six ans
Sa profession <i>Làm nghề gì</i>	Caraf de la garde civile locale
Son domicile <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Anhôi Bachun Bantre

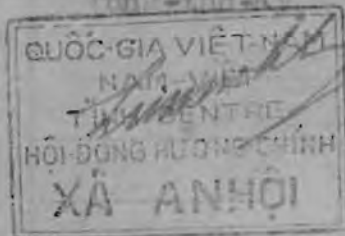
(1) Marge réservée pour la mention, en résumé des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lề chưa đề lược biên án tòa cải giấy hôn thú lại.

SAC. LUC Y HO DOI
Anhôi ngày 26-2-1957
Hội-Viễn-Hà-Trị-Ch,

Nguyễn

Chứng hôn đầu kỳ
Hội-Viễn-Hà-Trị-Ch
Hội-Viễn-Hà-Trị-Ch



Nhận thanh toán của Hội-Viễn

Hội-Viễn-Hà-Trị-Ch

Ngày 26-2-1957

Ngày 26-2-1957

Ngày 26-2-1957

Ngày 26-2-1957

Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée) <i>Tên, họ mẹ vợ (chết sống phải nói)</i>	Nguyễn-thị-Cần
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i>	Cinquante cinq ans
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Ménagère
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Anhối Bachmá Bântre
Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'épouse <i>Tên, họ chủ hôn bên gái</i>	Nguyễn-văn-Từ
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i>	Cinquante neuf ans
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Caporal de la garde civile locale en retraite
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Anhối Bachmá Bântre
Nom et prénoms de l'entremetteur du mariage <i>Tên, họ người làm mai</i>	Nguyễn-văn-Như
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i>	Trente neuf ans
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Commerçant
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Anhối Bachmá Bântre
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin <i>Tên, họ người chứng thứ nhất</i>	Võ-văn-Lão
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i>	Quarante trois ans
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Infirmier
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Anhối Bachmá Bântre
Nom et prénoms du 2 ^e témoin <i>Tên, họ người chứng thứ nhì</i>	Phạm-văn-Trung
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i>	Cinquante cinq ans
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Commerçant
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Anhối Bachmá Bântre

A Anhối, le 8 Septembre 1949, 1949
 Tại , ngày 195

Les époux,
 Vợ chồng,

L'entremetteur,
 Mai nưon,

Les pères et mères,
 Cha mẹ hai bên,

Ký tên: Bùi-đông-Phát
 Nguyễn-thị-Nghi

Ký tên: Nguyễn-văn-Như, Ký tên: Bùi-thanh-Phụng
 Từ

L'Officier de l'État Civil,
 Ủy-viên hộ tịch,

Les personnes qui ont procédé au mariage,
 Các người chủ hôn,

Les témoins,
 Các người chứng,

Ký tên: Lê-anh-Cổ,
 Lê Mai ra
 Ký tên: Tại (con dâu)

Ký tên: Bùi-thanh-Phụng
 Từ

Ký tên: Võ
 Trung

NOTA. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.
 PHẢI BIẾT. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Số hiệu : 4843

GIẤY PHÉP CHÔN CẮT
-++++-

Họ tên người chết : Đinh Văn Bền
Quê quán : Xã Bình Khê
Hiện cư ngụ : 775/11 Đường Bình Trưng
Nơi chết : 88A/11 Đường Bình Trưng
Thời gian chết : ngày 22 tháng 12 năm 1976
Lý do chết : Suýt 6
Giấy chứng nhận nơi chết : Giấy chứng nhận
Người cấp giấy chứng nhận : Nguyễn Văn Bền
Nay cho phép chôn cất tại : Đường Bình Trưng
Ngày đi chôn : 20 tháng 12 năm 1976

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 23 tháng 12 năm 1976

ỦY VIÊN HỘ TỊCH

Đinh Văn Bền

1000
- 1000000
- 1000000000
25 12 1976

1000
- 1000000
- 1000000000
25 12 1976

281041

Thống

I - Lập tờ khai gia đình :

Khi cư ngụ ở một nơi quá 3 tháng thì phải lập tờ khai gia đình. Trưởng xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến thị vào tờ khai gia đình, rồi nộp cho Văn-Phòng Phường hoặc Xã để kiểm nhận, kèm theo tờ khai thay đổi nơi cư trú.

II. - Khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia đình :

Khi có thêm hay bớt người trong gia đình thì phải khai báo để cấp nhũ hóa tờ khai gia đình. Gia-Trưởng xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến-thị vào tờ khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia đình, rồi nộp cho Văn-phòng Phường hoặc Xã để kiểm-nhận, kèm theo tờ khai gia đình (bản màu) và các giấy tờ chứng-minh khai-sinh, khai tử, tờ khai thay đổi nơi cư trú v.v...).

III - Khai tạm trú trong gia đình :

Khi có thân-nhân đến tạm trú trong gia đình, phải khai báo để ghi vào sổ vắng-lai.

a) Từ 1 đến 30 ngày : Gia-Trưởng nộp cho Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng tờ khai xin tạm trú để xin kiến-thị kèm theo thẻ căn cước của người xin tạm trú. Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng được quyền cho tạm trú tối đa 30 ngày.

b) Từ 1 đến 3 tháng : Gia-Trưởng xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến thị vào tờ khai xin tạm trú, rồi nộp cho Văn phòng Phường hoặc Xã để xin kiểm nhận kèm theo thẻ căn-cước của người xin tạm trú. Phường-Trưởng hoặc Xã-Trưởng được quyền cho tạm trú tối đa 3 tháng.

c) Trên 3 tháng : Người xin tạm trú hoặc phải trở về nguyên quán hoặc phải xin ghi tên hay lập tờ khai gia đình nơi cư ngụ mới.

CƯỚC CHỦ

Khi thân nhận người giúp việc, gia-trưởng cũng phải khai báo.

nếu đương sự giúp việc lâu dài, áp dụng thủ-tục khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia đình (Mục II).

nếu đương sự giúp việc tạm thời áp dụng thủ-tục khai tạm trú trong gia đình (Mục III).

IV. - Khai thay đổi nơi cư trú :

Khi rời hẳn nơi cư ngụ cũ để đi ở nơi khác, thì phải khai báo thay đổi nơi cư trú để được ghi tên hay lập tờ khai gia đình tại nơi cư ngụ mới. Đương sự xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến-thị vào tờ khai thay đổi nơi cư trú, rồi nộp cho Văn-Phòng Phường hoặc Xã kèm theo tờ khai gia đình (bản màu) Phường-Trưởng hoặc Xã-Trưởng bồi tên đương sự trong tờ khai gia đình nơi cư ngụ cũ, kiểm-nhận tờ khai thay đổi nơi cư-trú rồi giao cho đương sự 1 bản để nộp vào hồ-sơ khai gia đình tại nơi cư-ngụ mới.

V. - Biện-pháp chế-tài :

Gia-Trưởng có trách-nhiệm khai báo để cho tờ khai gia đình lúc nào cũng phù hợp với hiện tình nhân-số trong gia đình.

Những người không chịu khai báo hay khai không thành thật (không kê việc khai gian trá có thể bị truy tố theo Hình-Luật), sẽ bị phạt vi-cảnh, chiếu điều 9 Nghị-định số 353-BNV / HC / ND ngày 30-6-1958 của Bộ Nội-Vụ vì không tuân lệnh của nhà chức-trách hành-chính, mà theo điều 491 của Bộ Hình-Luật mới ban hành, thì người nào vi phạm sắc lệnh và Nghị-định hợp-pháp của chức quyền Hành-chính hay chức quyền Địa Phương thì sẽ bị phạt tù từ 101.500 đến 500.500 và tước hiệu 02 kể

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

O. (TINH, THỊ) Thành Sài Gòn

TỜ KHAI GIA-ĐÌNH

Nhà số 285/11 Trần Bình Trọng Saigon 5

Phường Trần Bình Trọng Sg 5

Khóm (Ấp) 13 LG 36

Phường (Xã) Cao Quan

Quận 5

Họ và tên Gia-Trưởng Bùi Hoàng Việt

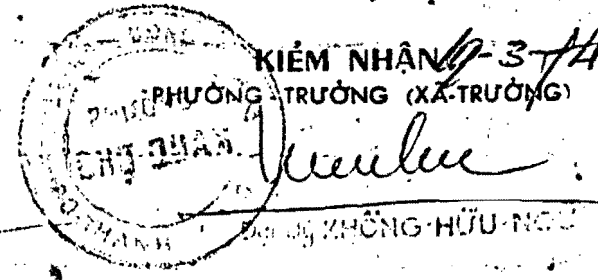
Saigon ngày 15 tháng 3 năm 1974

GIA-TRƯỞNG,
(Ký tên)

Chứng nhận có cho ở đậu
(định cho tờ khai của gia đình ở đậu)
CHỦ NHÀ

KIẾN THỊ : 18-3-74
KHOM-TRƯỞNG (ẤP-TRƯỞNG) 12, 13

KIỂM NHẬN 18-3-74
PHƯỜNG-TRƯỞNG (XÃ-TRƯỞNG)



NGUYỄN VIỆT PHAM

Số thứ tự	HỌ và TÊN (gia trưởng ghi trước)	Nam Nữ	Quốc-tịch	Ngày, tháng, năm và nơi sinh	Nghề-nghiệp	Số, ngày và nơi cấp thẻ căn-cước	Liên-hệ gia đình	CƯỚC CHỦ
1	Bùi Hoàng Việt	Nam	VN	1-2-1926 Tân Việt	Quản lý	02750754	Công	
2	Nguyễn Văn Nam	Nữ	"	20-2-1925 Bến Tre	Công nhân	02175083/28-10-69 Quận 5	VN	
3	Bùi Văn Bình	Nữ	"	2-8-1950 Sg	Công nhân	02776056/9-10-69 Quận 5	Công	
4	Bùi Lương Minh	Nam	"	16-6-1953 Sg	Quản lý		"	MAT T. H
5	Bùi Minh Minh	Nam	"	18-7-1954 Bến Tre	Quản lý	00915163/20-03-69 Sg 5	"	
6	Bùi Văn Lương	Nữ	"	29-6-1955 Sg	Học sinh	03464735/20-04-72 Quận 5	"	
7	Bùi Lương Thiên	Nam	"	12-1-1957 Sg	"	09616442/22-1-72 Quận 5	"	
8	Bùi Quang Văn	Nam	"	13-8-1958 Sg	"	10629462/16-4-72 Quận 5	"	
9	Bùi Văn Quang	Nữ	"	5-9-1960 Bến Tre	1128	5000	"	
10	Đỗ Thị An Minh	Nữ	"	8-7-1974 Sg	"		Cháu	Cột số 10 và 1
11	Nguyễn Hoàng Hồng	Nam	"	19/4/1953	"		"	Cột số 10 và 1
12	Nguyễn Hoàng Hồng	NAM	VN	1953 Bến Tre	Sinh viên	00234644 - 29-12-69 Bến Tre	Cháu	

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIẾN HOA

XÃ An Hội

QUẬN Trúc Giang

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

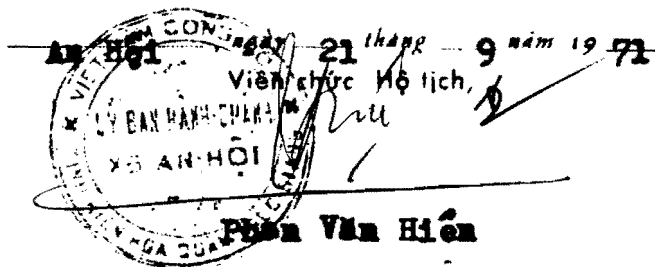
TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1960

Số hiệu : 1817

Tên, họ đủ nhĩ	BUI - THỊ - QUAN
Phái	Nữ
sinh ngày	Năm thống chín năm 1960
Nơi sinh	An-Hội Kiến-Hòa
Tên, họ cha	Bùi Dương Phát
Nghề nghiệp	Trung Úy
Cư sở tại	Khu bửa Chính 4839
Tên, họ mẹ	Nguyễn thị Nghi
Nghề nghiệp	Y Tá
Cư sở tại	khóm 8 An Hội Kiến-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ Chánh

SAO Y BỘ CHÁNH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020704340**

Họ tên: **BÙI THỊ QUAN**

Sinh ngày: **05-09-1960**

Nguyên quán: **Long Đức,**

Tra Vinh, Cửu Long

Nơi thường trú: **285/11 Trần-**

Bình Trạng, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DẠNG HÌNH

Sẹo chàm, 1,2cm trên
trước cạnh mũi trái.

Năm 08 tháng 03 năm 1979

T. S. GIÁM ĐỐC XÁC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
S. T. TRƯỞNG TỶ CÔNG AN QUẬN 5



Văn Liên

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 530015 CN

Họ và tên chủ hộ : Bùi Thị Bình

Ấp, ngõ, số nhà : 285/14

Thị trấn, đường phố : Bình Bình Trưng Tây

Xã, phường : Bình Hưng Hòa A

Huyện, quận : Quận 7

Ngày 12 tháng 3 năm 1992

Trưởng công an : (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3 :

Chữ ký : Bùi Thị Bình

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Bùi Thị Bình	Chồng	Nữ	28.10.50	020704314	Bán hàng	1.10.1976		
2	Bùi Thị Lương	Mẹ	Nữ	29.6.1955	020704290	NV Kí Hạch XN	1.10.1976		
3	Bùi Thị Quan	Mẹ	Nữ	5.9.1960	020704340	Tổ hợp	1.10.1976		
4	Bùi Quang Vinh	Mẹ	Nam	6.8.1958	020704291	giáo viên CBSP	1.10.1976		
5	Nguyễn Diệp Kim Phượng	Con	Nữ	7.11.1977			1.10.1976		
6	Nguyễn Trung Kiên	Con	Nam	14.11.79			28.11.1978		
7	Nguyễn Đức Huy	Con	Nam	24.7.1983			28.11.1983		
8	Nguyễn Anh Đức	Cháu	Nam	11.1.96			20.1.96		
9	Nguyễn Diệp Bình	Con	Nam	11.2.96			20.2.96		
	Phường								

HÙNG - **H**Ỉ **T**ẠI - **I**/GỮ

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TÔNG THAM MƯU
QUÂN LỤC VIỆT NAM CỘNG HÒA
PHÒNG NHỊ
TRUNG TÂM THAM VẤN HÒN HỘP
Số : 3968 /TTTVHH/EH

CHỨNG - NHẬN :

- Họ và tên : **HUI-DƯƠNG-PHÁT**
- Cấp - bậc : **- Thiếu-Tá**
- Số - quân : **- 46/103.125**
- Ngày và nơi sanh : **- 01.3.1926, tại Vĩnh-Bình**
- Tên - Cha : **- HUI-THÀNH-PHONG**
- Tên - Mẹ : **- NGUYỄN-THỊ-KIM**
- Ngày nhập ngũ : **- 01.4.1952**
- Thời gian gián toan công-vụ : **- Không**
- Hiện đang tại ngũ và phục-vụ tại : **Trung-Tâm Tham-Vấn Hòn-Hộp/P2/
BỘ TM.**
- L Ý - D O : **- Nộp hồ sơ xin cho con học các lớp qua tại các
Trường Công-lập.**

K.B.C. 3.790, ngày 14 tháng 7 năm 1970

Th. Trung-Tá NGUYỄN-TÔN

Chỉ-Huy-Trưởng Trung-Tâm Tham-Vấn Hòn-Hộp

Thiếu-Tá LÊ-TRUNG-NHÂN

Chỉ-Huy Phó



/ K H A N /
16H00.11.01

ONG - DIEN

THUONG-KHAN

NOI - GCI :- TRUNG DOAN 53 BO BINH

NOI - NHAN :- QUAN VU THI TRAN/SAIGON

THONG - BAO :- BTL/QDII+QK2/P.TQT

- BTL/SD23BB/P.TQT

BVS : 205 /12/1/3/TT #

Q.V.T.T. SAIGON

Đến ngày 17 Th.1. 1974

Đ. số 146 giờ

TIEP THEO CONG DIEN SO 8015/12/3/TT NGÀY 21-12-73

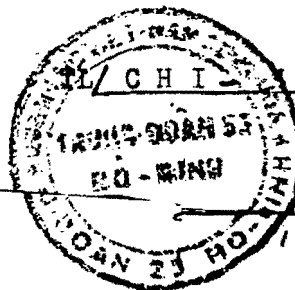
CUA TRD53BB #

TRAN TRONG YEU CAU QUY QUAN TRAN # THONG BAO DEN
ONG BUI DUONG PHAT NGU TAI SO 285/11 DUONG TRAN BINH TRONG SAIGON,
BIET TIN # CH-UY/ BUI DUONG MINH SQ 73/152.439 THUOC TRD53BB DA MAT
TICH TAI CHIEN TRUONG QUANG DUC NGAY 04-12-1973 #

TRUONG HOP CO TIN TUC GI LIEN QUAN DEN SQ DUONG, SU
TRD CHUNG TOI SE THONG BAO TIEP HOAC THAN NHAN MUON LIEN LAC DEN
DON VI XIN LIEN LAC DEN BCH/TRD53BB KBC 37.36 DON TRU TAI BIEN HO
PLEIKU # HET #

- HO SO.

- LUU CHIEU. #



CHI - UY - TRUCNG/ #

Handwritten notes and signatures at the bottom of the page, including the name 'Lê Văn Khoa' and other illegible text.

FROM : BUI THI QUAN

285/11 Trần bình Trọng P4 Q5

T/P HỒ CHÍ MINH VIỆT NAM



AUG 12 1990



TO : BÀ KHUOC LINH THO

IN. ILU. IS. OF V. L. T. H. A. POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5135 AMHERST, N. Y. 12205-0635

U.S.A. 703-560-0058

USA

Merry Christmas and Happy New Year



458/19.550

